

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HS-ST

Ngày: 15/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Quảng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Thành Công; Ông Lê Viết Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Khắc Cường - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Ka Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thái H**; sinh năm: 1995; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lái xe máy; văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Lê Thanh C (đã chết) và bà Đinh Thị T, sinh năm 1971; trú tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; vợ tên là Lê Thị Đan Th, sinh năm 2000; trú tại xã N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Xuân Q, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- Người làm chứng: Chị Lê Thị Đan Th, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thái H là con rể của bà Nguyễn Thị Xuân Q, thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Trước đây gia đình bị cáo H sinh sống tại xã L, huyện B, từ tháng 8 năm 2021 bị cáo cùng vợ là Lê Thị Đan Th và 02 con chuyển về sinh sống với bà Q tại địa chỉ nói trên. Vào ngày 21/02/2022, biết bà Q mới bán cà phê có để tiền trong tủ, lợi dụng lúc bà Q đi ra ngoài bị cáo H đã lén lút đi vào phòng của bà Q mở tủ, trộm cắp số tiền 50.000.000 đồng (bao gồm 05 cọc tiền

mệnh giá 100.000 đồng). Sau đó bị cáo H mang số tiền trên giấu vào túi áo khoác để trong tủ quần áo tại phòng ngủ của mình.

Khoảng 08 giờ sáng ngày 22/02/2022, H mặc chiếc áo khoác (bên trong có số tiền trên) và 8.000.000 đồng tiền riêng của H (tổng cộng là 58.000.000 đồng) đi đến nhà chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975, trú tại Thôn 12, xã L, huyện B, nhờ chị N chuyển số tiền trên vào số tài khoản ATM số 1090037xxx mang tên Lê Thị Đan Th, tại ngân hàng Vietinbank thì chị N đồng ý. Sau đó chị N sử dụng điện thoại di động chuyển số tiền 58.000.000 đồng từ tài khoản của chị N tại Ngân hàng Quân đội (MB Bank) đến tài khoản của chị Lê Thị Đan Th và được H trả 70.000 đồng tiền phí dịch vụ.

Đến chiều cùng ngày, H đến cây ATM của Ngân hàng Vietinbank tại công khu tập thể Thủy điện Hàm thuận - Đa mi, thuộc phường S, thành phố B rút số tiền 5.500.000 đồng để sửa máy mức và mua đồ cho con, sau đó đi về nhà. Tối ngày ngày 22/02/2022, bà Q phát hiện mất tài sản nên đã trình báo với Công an xã N, thành phố B; ngày 23/02/2022 Công an xã N triệu tập bị cáo H đến làm việc, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ sau đó trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Xuân Q; trả lại 01 sổ hộ khẩu, 01 chứng minh nhân dân và 01 căn cước công dân cho bị cáo H; trả lại 01 căn cước công dân, 01 Thẻ ATM của ngân hàng Vietinbank cho chị Lê Thị Đan Th. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bà Nguyễn Thị Xuân Q không yêu cầu gì và viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 84/CT-VKSBL ngày 19 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lê Thái H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Lê Thái H từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

Bị cáo Lê Thái H khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nêu, bị cáo không thắc mắc, khiếu nại gì về nội dung Cáo trạng, thấy đúng với tội của mình, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại bà Nguyễn Thị Xuân Q trình bày, bị cáo H con rể của bà, hiện đang sinh sống cùng với gia đình bà. Số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo H đã trộm cắp của bà thực tế bà cũng định sẽ cho vợ chồng H để xây nhà. Do bị cáo suy nghĩ nông nổi mà phạm tội; nay tài sản đã thu hồi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố B; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H, bị hại không có ý kiến thắc mắc khiếu nại về hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng qui định của pháp luật.

[2] Về căn cứ xác định tội: Tại phiên toà, bị cáo Lê Thái H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, nhân chứng, vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định: Lê Thái H là con rể của bà Nguyễn Thị Xuân Q, trú tại số 78/31/8 đường Lạc Long Quân, thôn T, xã N, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian đưa vợ con về sinh sống tại nhà bà Q, phát hiện bà Q để tài sản sơ hở nên tối ngày 21/02/2022 bị cáo H đã vào phòng của bà Q trộm cắp số tiền 50.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Thái H đã phạm vào tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Bị cáo Lê Thái H là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức; bị cáo biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì lòng tham, muốn có tiền để trả nợ nên bị cáo cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần lên cho bị cáo một hình phạt phù hợp để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thái H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H thật thà khai báo, khi sự việc bị phát hiện đã tự nguyện nộp lại chiếc thẻ ATM trong đó có số tiền trộm cắp để trả cho bị hại; được bị hại viết đơn xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có việc làm và nơi cư trú ổn định, phạm tội đối với người thân, tài sản đã thu hồi nên không cần cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ sau đó trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Xuân Q; trả lại 01 sổ hộ khẩu, 01 chứng minh nhân dân và 01 căn cước công dân cho bị cáo H; trả lại 01 căn cước công dân, 01 Thẻ ATM cho chị Lê Thị Đan Th là phù hợp nên không đề cập đến.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bà Nguyễn Thị Xuân Q không yêu cầu gì nên không đề cập đến.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo H hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố, bị cáo Lê Thái H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Lê Thái H 30 (ba mươi)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **05 (năm)** năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thái H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo qui định tại khoản 3 điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Bảo Lộc;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Khắc Quảng